

Bài 4. QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

(12 tiết)

(Đọc và Tiếng Việt: 7 tiết, Viết: 4 tiết, Nói và nghe: 1 tiết)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.
- Nhận biết được từ đồng âm, từ đa nghĩa; nhận biết được hoán dụ và hiểu tác dụng của việc sử dụng hoán dụ.
- Bước đầu biết làm bài thơ lục bát và viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ lục bát.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.
- Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hóa truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

II CHUẨN BỊ

1. Tri thức ngữ văn cho GV

Thơ lục bát

Lục bát là một thể thơ dân tộc có nguồn gốc lâu đời. Một bài thơ lục bát có thể có từ hai dòng trở lên, trong đó các dòng thơ được sắp xếp thành từng cặp – một dòng sáu tiếng và một dòng tám tiếng. Thơ lục bát tuân thủ niêm, luật, vẫn rất nghiêm ngặt, chính điều này giúp cho thơ lục bát trở nên hài hoà, dễ nhớ, dễ thuộc.

Về vần, thơ lục bát gieo vần theo quy luật: tiếng cuối của dòng trên (dòng sáu) vần với tiếng thứ sáu của dòng dưới (dòng tám); tiếng cuối của dòng tám vần với tiếng cuối của dòng sáu tiếp theo. Ví dụ:

Với Cánh Sóng
Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
Cánh cò bay lả rập ròn
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều.

(Nguyễn Đình Thi, Bài thơ Hắc Hải)

Về thanh điệu, tiếng thứ sáu của dòng sáu là thanh bằng. Tiếng thứ sáu và thứ tám của dòng tám cũng phải là thanh bằng nhưng nếu tiếng thứ sáu là thanh huyền thì tiếng thứ tám là thanh ngang và ngược lại. Tiếng thứ tư của dòng sáu và dòng tám đều phải là thanh trắc. Ví dụ:

Nước non nặng một lời thè
T B
Nước đi đi mãi không yê cùng non.
T B B
(Tản Đà, Thể non nước)

Về nhịp, thơ lục bát thường ngắt nhịp chẵn. Câu lục thường là: 2/2/2, 2/4, 4/2 còn câu bát là 4/4, 2/2/4, 2/2/2/2, 4/2/2,... Ví dụ:

Bầu oï/ thường lấy/ bí cùng
Tuy rằng khác giống/ nhưng chung một giàn.

(Ca dao)

Lục bát biến thể

Hiện tượng lục bát biến thể: biến đổi số tiếng trong dòng, biến đổi cách gieo vần, cách ngắt nhịp, cách phối thanh. Ví dụ:

Mình nói dối ta mình chưa có chồng
Ta đi qua ngõ mình bồng con ra
Con mình khéo giống con ta
Con mình bảy ruồi con ta ba phần.

(Ca dao)

Từ đồng âm và từ đa nghĩa

Từ đồng âm và từ đa nghĩa phổ biến trong mọi ngôn ngữ, trong đó có tiếng Việt. Về bản chất, từ đồng âm và từ đa nghĩa cho thấy tính tương đối của ngôn ngữ: không có sự tương ứng 1 – 1 giữa cái biểu đạt (hình thức âm thanh của từ) và cái được biểu đạt (ý nghĩa mà từ biểu hiện). Điều này, một mặt, tạo nên sự thú vị, phong phú và hấp dẫn của ngôn ngữ, mặt khác, cũng gây những khó khăn, nhầm lẫn cho người dùng nếu không hiểu rõ và không làm chủ được các hiện tượng này. Nhiều HS hay nhầm lẫn giữa từ đồng âm và từ đa nghĩa vì chúng đều có vỏ âm thanh giống nhau. Dạy từ đồng âm và từ đa nghĩa, GV cần lưu ý HS: từ đồng âm và từ đa nghĩa đều có vỏ âm thanh giống nhau nhưng đồng âm là hiện tượng diễn ra giữa ít nhất từ hai từ trở lên, chứ không phải trong nội bộ một từ. Từ đa nghĩa (nhiều nghĩa) là hiện tượng một từ có từ hai nghĩa trở lên và các nghĩa này có liên quan với nhau (chuyển nghĩa).

Ví dụ:

Từ đồng âm:

- Mẹ tôi ngâm đỗ để nấu chè.
- Tôi sung sướng vì đã đỗ đầu trong kì thi học sinh giỏi.

Từ đa nghĩa:

- Bạn hãy suy nghĩ cho chín rồi quyết định.
- Con chờ cơm chín rồi mới được đi chơi nhé!

Khi dạy từ đồng âm và từ đa nghĩa, GV luôn phải đặt vào trong ngữ cảnh cụ thể thì HS mới nhận biết được đó là từ đồng âm hay từ đa nghĩa.

Hoán dụ

Biện pháp tu từ hoán dụ thuộc cấp độ tu từ vựng. Khi tìm hiểu, giải thích ý nghĩa và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ hoán dụ, cần xác định rõ các kiểu quan hệ tương cận mang tính phổ biến được vận dụng trong hoán dụ như: quan hệ bộ phận – toàn thể, vật chứa – vật được chứa, sự vật – dấu hiệu, cụ thể – trừu tượng,... giữa sự vật, hiện tượng được nói đến và sự vật, hiện tượng bị thay thế.

- Quan hệ bộ phận – toàn thể (lấy từ ngữ, đặc điểm chỉ bộ phận để chỉ toàn thể): *Anh ấy là một chân đá bóng rất cù.*
- Quan hệ vật chứa – vật được chứa (lấy từ ngữ chỉ vật chứa để chỉ vật được chứa): *Cả nhà hân hoan vui đón xuân mới.*
- Quan hệ sự vật – dấu hiệu (lấy từ ngữ chỉ dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật): *Áo nâu liền với áo xanh / Nông thôn cùng với thị thành đứng lên* (Tố Hữu).
- Quan hệ cụ thể – trừu tượng (lấy từ ngữ chỉ cái cụ thể để chỉ cái trừu tượng): *Vì lợi ích mười năm trồng cây / Vì lợi ích trăm năm trồng người* (Hồ Chí Minh).

Thành ngữ

Theo quy định của chương trình, lên lớp 7 HS mới học khái niệm thành ngữ và phân biệt thành ngữ với tục ngữ. Tuy vậy, thuật ngữ *thành ngữ* đã xuất hiện trong SHS *Tiếng Việt* ở Tiểu học. SHS *Ngữ văn 6* cũng sử dụng thuật ngữ này. Khi chưa học khái niệm thành ngữ, HS chỉ cần thực hành ở mức độ đơn giản như đặt câu với thành ngữ đã cho, giải thích nghĩa của một số thành ngữ thông dụng,... GV cần nắm chắc khái niệm thành ngữ, không phải để cung cấp kiến thức này cho HS mà để chủ động trong tổ chức dạy học.

Thành ngữ là một loại đơn vị từ vựng đặc biệt. Đó là một loại cụm từ cố định (ít có khả năng thay thế bất kì từ nào trong đó) mà nghĩa của tổ hợp thường là không thể hoác rất khó suy ra từ nghĩa của các thành tố tạo nên nó. Chẳng hạn: *một nắng hai sương, mẹ tròn con vuông, bảy nổi ba chìm*,... Khác với tục ngữ, thành ngữ chưa phải là câu. Thành ngữ thường ngắn gọn, hàm súc, có tính hình tượng và biểu cảm, vì vậy, việc dùng thành ngữ góp phần làm tăng hiệu quả biểu đạt.

Một số khái niệm công cụ khác

- Luật thơ: Những quy tắc về số dòng, số tiếng, cách hiệp vần, phép hài thanh, ngắt nhịp,... trong các thể thơ được khái quát theo những kiểu mẫu nhất định.
- Dòng thơ: Sự phân chia bài thơ thành các dòng thơ chính là một trong những đặc điểm quan trọng nhất của ngôn ngữ thơ. Dòng thơ là một đơn vị cấu tạo cơ bản của VB thơ; đó là sự sắp xếp các tiếng thành hàng. Trong các thể thơ cách luật, số tiếng của mỗi dòng thơ được quy định rất chặt chẽ, thường phải bằng nhau (5 tiếng, 6 tiếng, 7 tiếng, 8 tiếng,...). Còn trong những bài thơ tự do thì số tiếng trong mỗi dòng lại thường không cố định.

□ Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Xuân Kính, *Thi pháp ca dao*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992;
- Bùi Văn Nguyên – Hà Minh Đức, *Thơ ca Việt Nam, hình thức và thể loại*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1971;
- Phan Diễm Phương, *Lục bát và song thất lục bát*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998;
- Trần Đình Sử – Nguyễn Khắc Phi – Lê Bá Hán (đồng Chủ biên), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Sđd;
- Trần Đình Sử (Chủ biên), *Lí luận văn học*, tập 2, Sđd.

2. Phương tiện dạy học

- GV có thể chuẩn bị tranh ảnh, các đoạn phim ngắn về các địa danh được giới thiệu trong bài học như Hà Nội, Huế, Lạng Sơn; giới thiệu về cây tre Việt Nam, giới thiệu về các câu chuyện cổ,...
- GV có thể thiết kế và sử dụng phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe cho HS.